

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động
của đại lý làm thủ tục hải quan

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đại lý làm thủ tục hải quan

Đại lý làm thủ tục hải quan (sau đây gọi tắt là đại lý hải quan) là thương nhân thay mặt người có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi chung là chủ hàng) thực hiện trách nhiệm của người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan và thực hiện các công việc khác về thủ tục hải quan theo thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 2. Điều kiện làm đại lý hải quan

Đại lý hải quan phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Có ngành nghề kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc dịch vụ khai thuế hải quan ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Có ít nhất một (01) nhân viên đại lý hải quan.
4. Đáp ứng điều kiện nối mạng máy tính với cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Cục Hải quan tỉnh) đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Điều 3. Điều kiện làm nhân viên đại lý hải quan

1. Nhân viên đại lý hải quan phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là công dân Việt Nam.
- b) Có bằng từ trung cấp trở lên thuộc các ngành kinh tế, luật.
- c) Có chứng chỉ về nghiệp vụ hải quan.

d) Có thời gian làm việc cho đại lý hải quan nơi được cấp thẻ ít nhất là 03 (ba) tháng.

2. Đại lý hải quan khi cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan cho nhân viên của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Các đối tượng không được làm nhân viên đại lý hải quan

Các đối tượng sau đây không được làm nhân viên đại lý hải quan:

1. Người thành niên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù.
3. Người đã bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm pháp luật hải quan và thuế trong phạm vi một (01) năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan.
4. Công chức, viên chức nhà nước đang tại chức.

Điều 5. Hồ sơ cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan

1. Hồ sơ cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan gồm:

- a) Đơn xin cấp thẻ theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.
- b) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.
- c) Bản sao chứng minh thư nhân dân của nhân viên đại lý hải quan.

2. Người đề nghị cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan phải lập hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi cho đại lý hải quan nơi đang làm việc để được cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan.

Điều 6. Cấp và quản lý thẻ nhân viên đại lý hải quan

1. Nhân viên của đại lý hải quan đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định này được đại lý hải quan cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan. Thời hạn cấp thẻ là không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp thẻ. Trường hợp từ chối cấp thẻ, đại lý hải quan phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị cấp thẻ biết.

2. Thẻ nhân viên đại lý hải quan phải ghi rõ: họ và tên; số chứng minh thư nhân dân; tên đại lý hải quan nơi nhân viên đại lý hải quan đang làm việc.

3. Sau ba (03) ngày làm việc, kể từ khi cấp thẻ, đại lý hải quan phải gửi và đăng danh sách những người được cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính quy định trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

4. Đại lý hải quan có trách nhiệm ban hành quy chế quản lý, sử dụng thẻ nhân viên đại lý hải quan do mình cấp ra theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng thẻ nhân viên đại lý hải quan của đơn vị mình.

Chương II

THÔNG BÁO, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ HẢI QUAN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ HÀNG

Điều 7. Thông báo và xác nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý hải quan

1. Trước khi hoạt động, đại lý hải quan phải lập hồ sơ thông báo đủ điều kiện làm đại lý hải quan theo quy định tại Điều 2 Nghị định này gửi Cục Hải quan tỉnh nơi đóng trụ sở chính. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản thông báo theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.
- b) Một (01) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng thực.
- c) Bản sao chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có chứng thực của từng nhân viên đại lý hải quan.
- d) Mẫu chữ ký của người có thẩm quyền của đại lý hải quan được ký tên trên tờ khai hải quan.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Hải quan tỉnh phải xác nhận và gửi thông báo xác nhận có đủ điều kiện hoạt động đại lý hải quan cho các đại lý hải quan. Trường hợp cần thời gian để xác minh thêm về các điều kiện làm đại lý hải quan thì thời hạn gửi thông báo xác nhận không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3. Cùng với việc gửi thông báo xác nhận đại lý hải quan có đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Hải quan tỉnh có trách nhiệm gửi và đăng thông báo xác nhận đại lý hải quan có đủ điều kiện hoạt động đại lý hải quan trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Điều 8. Hoạt động của đại lý hải quan

1. Ký hợp đồng bằng văn bản với chủ hàng.
2. Yêu cầu chủ hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ và thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của từng lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Thực hiện các công việc về thủ tục hải quan theo thoả thuận ghi trong hợp đồng, gồm:

a) Khai, ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan.

b) Nộp và xuất trình toàn bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Xuất trình hàng hoá để cơ quan Hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các công việc sau khi được uỷ quyền theo thoả thuận ghi trong hợp đồng, gồm:

a) Nộp các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Khiếu nại, yêu cầu giải quyết hoặc điều chỉnh các quyết định của cơ quan Hải quan có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp thực hiện không đúng những công việc được uỷ quyền, khai không đúng những thông tin và chứng từ liên quan do chủ hàng cung cấp.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ hàng

1. Ký hợp đồng với đại lý hải quan về phạm vi uỷ quyền, trách nhiệm của mỗi bên.

2. Cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho đại lý hải quan.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp cung cấp không chính xác, không đầy đủ các thông tin, chứng từ liên quan đến lô hàng hoặc cung cấp các chứng từ không hợp pháp, hợp lệ theo quy định cho đại lý hải quan dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát hoạt động đại lý hải quan

Cơ quan Hải quan kiểm tra, giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy định tại Nghị định này của đại lý hải quan.

Điều 11. Giấy tờ phải xuất trình khi làm thủ tục hải quan

Khi làm thủ tục tại cơ quan Hải quan, nhân viên đại lý hải quan phải đeo thẻ nhân viên đại lý hải quan và xuất trình Giấy chứng minh nhân dân khi được yêu cầu.

Điều 12. Hỗ trợ và ưu tiên đối với đại lý hải quan

1. Cơ quan Hải quan hỗ trợ miễn phí cho đại lý hải quan trong các lĩnh vực sau:

- a) Hỗ trợ kỹ thuật trong việc kết nối mạng giữa đại lý hải quan với cơ quan Hải quan.
- b) Hỗ trợ về thủ tục hải quan, thủ tục thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- c) Cập nhật các quy định mới của pháp luật về hải quan.
- d) Tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về hải quan.

2. Những lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu do đại lý hải quan thực hiện theo quy định tại Nghị định này được ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Khen thưởng

Đại lý hải quan chấp hành và có thành tích tốt trong việc thực hiện pháp luật hải quan được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Đối với đại lý hải quan:

a) Cục Hải quan tỉnh đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định dừng hoạt động đại lý hải quan trong các trường hợp sau:

- Đại lý hải quan hoạt động không đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này;
- Đại lý hải quan thông đồng với chủ hàng để vi phạm pháp luật hải quan;
- Đại lý hải quan tự ý thay đổi tên, địa chỉ mà không thông báo cho Cục Hải quan tỉnh nơi đóng trụ sở chính;
- Đại lý hải quan đã tự chấm dứt hoạt động;
- Đại lý hải quan đã bị tạm dừng hoạt động hai (02) lần trong một năm mà tiếp tục vi phạm pháp luật hải quan.

b) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh quyết định tạm dừng hoạt động đại lý hải quan trong các trường hợp sau:

- Đại lý hải quan không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đại lý hải quan quy định tại Điều 1 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Không chấp hành hoặc chấp hành không đúng các quyết định xử phạt của cơ quan Hải quan;

- Cho mượn danh nghĩa đại lý hải quan;

- Đại lý hải quan bị Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh xử lý vi phạm hành chính hai (02) lần trong 01 năm hoặc có 03 nhân viên bị thu hồi thẻ nhân viên đại lý hải quan.

Thời gian tạm dừng kể từ khi phát hiện các hành vi trên cho đến khi đại lý hải quan khắc phục xong hậu quả.

c) Đại lý hải quan bị dừng hoặc tạm dừng hoạt động quy định tại các điểm a, b khoản này có trách nhiệm thu hồi thẻ nhân viên đại lý hải quan đã cấp. Việc cấp lại thẻ nhân viên đại lý hải quan được thực hiện khi đại lý đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng ý tiếp tục hoạt động.

2. Đối với nhân viên đại lý hải quan:

a) Nhân viên đại lý hải quan bị thu hồi thẻ nhân viên đại lý hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:

- Có hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế;

- Cho người khác sử dụng thẻ của mình hoặc sử dụng thẻ của người khác;

- Sử dụng thẻ để làm thủ tục hải quan đối với lô hàng của doanh nghiệp không ký hợp đồng với đại lý hải quan nơi nhân viên đại lý hải quan làm việc;

- Có hành vi hối lộ cán bộ, công chức hải quan hoặc có các hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Đại lý hải quan có trách nhiệm thu hồi thẻ nhân viên đại lý hải quan quy định tại điểm a khoản này, đồng thời thông báo danh sách nhân viên đại lý hải quan bị thu hồi thẻ theo mẫu do Bộ Tài chính quy định đến Cục Hải quan tỉnh nơi đóng trụ sở chính và gửi đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và thay thế Nghị định số 79/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (5b). Q. 2/0

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng